

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhứt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà B trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Bà và ông C xây dựng hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã G A, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112/2008, quyển số 02/2008 ngày 04/9/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà và ông C đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân hơn 05 tháng nay. Nay bà B yêu cầu ly hôn với ông C. Bà B và ông C có một người con chung cháu D, sinh năm 2008, hiện cháu D đang sống chung với bà B, khi ly hôn, bà B yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tiền chế, lợp thiếc và vách thiếc, nền xi măng, nhà này được cất trên đất của mẹ bà B cho bà B nhưng chưa tách giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn tài sản nào khác; Nợ chung không có. Khi ly hôn, bà B và ông C tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 03 năm 2021; ông C thống nhất với lời trình bày của bà B về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông C xác định, quá trình chung sống, vợ chồng ông có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã với nhau, mỗi khi ông có rượu nên nóng tính và có những lời C thô tục xúc phạm đối với chị B và bà B cũng có chửi lại ông, mâu thuẫn này kéo dài hơn một năm nay. Nay bà B yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý vì ông muốn cùng bà B nuôi dạy con. Tài sản chung có 01 căn nhà tiền chế, lợp thiếc và vách thiếc, nền xi măng, nhà này được cất trên đất của mẹ bà B cho ông và bà B nhưng chưa tách giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn tài sản nào khác; Phần tài sản này ông và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu D cho bà B nuôi dạy, giáo dục do cháu D có nguyện vọng sống với bà B và hiện đang sống chung với bà B. Bà B và cháu D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 02 năm 2021 bà B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông C. Khi

khởi kiện ông C đang sinh sống, làm việc tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà B và ông C tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã G A, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112/2008, quyển số 02/2008 ngày 04/9/2008 nên hôn nhân giữa bà B và ông C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Bà B xác định trong thời gian chung sống, giữa bà B và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, mỗi lần mâu thuẫn, ông C lại có những lời C thô tục xúc phạm bà. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu ly hôn với ông C. Về phía ông C thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, mỗi khi mâu thuẫn, ông có rượu hay nóng tính nên ông có dùng những lời C thô tục xúc phạm bà B; tuy nhiên, ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà B vì ông muốn cùng bà B nuôi dạy con

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững B phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà B và ông C không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, kéo dài hơn một năm nay, hiện tại ông C và bà B đã ly thân hơn 05 tháng nay, điều này được ông C và bà B thống nhất thừa nhận. Bà B không còn tình cảm với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà B yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông C.

[4]. Về con chung: Ông C và bà B có một người con chung là cháu D, sinh năm 2008, hiện cháu D đang sống chung với bà B. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà B yêu cầu nuôi cháu D và cháu D có nguyện vọng sống với bà B.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu D, do cháu D đang sống cùng bà B nên cần tiếp tục giao cháu D cho bà B tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà B không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà B và ông C xác định, vợ chồng ông bà chung sống có tạo lập tài sản chung là một căn nhà tiền chế, lợp thiếc và vách thiếc, nền xi măng, nhà này được cất trên đất của mẹ bà B cho nhưng chưa tách giấy chứng nhận Quyền

sử dụng đất, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Bà B, ông C xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này, ông C và bà B không thỏa thuận được tài sản chung B ông C và bà B được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[7]. Về nợ chung: Bà B và ông C xác định, vợ chồng ông bà chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà B phải chịu 300.000 đồng, bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008552 ngày 24 tháng 02 năm 2021 được chuyển thu án phí.

[9]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà B đối với ông C. Xử cho bà B được ly hôn đối với ông C.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn D sinh ngày 13/3/2008 cho bà B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu D đang sống cùng với bà B.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà B phải chịu 300.000 đồng, bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008552 ngày 24 tháng 02 năm 2021 được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi